

PHÂN VÙNG ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH BÌNH ĐỊNH

Vũ Đình Chiến

Khoa Kinh tế - Du lịch, Trường Cao đẳng Bình Định

Tóm tắt. Để khai thác hợp lý tài nguyên, định hướng quy hoạch lãnh thổ phục vụ phát triển du lịch, phân vùng địa lý tự nhiên là rất cần thiết. Vận dụng cơ sở lý luận về phân vùng địa lý tự nhiên, bài báo đã tiến hành nghiên cứu sự phân hóa có quy luật của điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên tỉnh Bình Định; tiến hành phân vùng địa lý tự nhiên lãnh thổ Bình Định thành 2 cấp: vùng và tiểu vùng; xác định rõ những đặc điểm tự nhiên nổi bật, tài nguyên tiêu biểu của các tiểu vùng phục vụ phát triển du lịch tỉnh Bình Định. Phân vùng địa lý tự nhiên phục vụ phát triển du lịch và bản đồ phân vùng (tỉ lệ 1: 100.000) cho thấy Bình Định có 2 vùng và 5 tiểu vùng với đầy đủ những thông tin cơ bản về đặc điểm tự nhiên, tài nguyên du lịch của các tiểu vùng. Đây chính là cơ sở cho việc đánh giá mức độ thuận lợi của điều kiện tự nhiên, tài nguyên du lịch cho phát triển du lịch ở Bình Định nói chung cũng như tổ chức một số loại hình du lịch cụ thể nói riêng ở các tiểu vùng.

Từ khóa: phân vùng địa lý tự nhiên, tiểu vùng, tài nguyên du lịch, Bình Định.

1. Mở đầu

Nghiên cứu đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của một lãnh thổ cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường là vấn đề quan trọng, có ý nghĩa thực tiễn cao đối với các địa phương và quốc gia. Điều này đã được khẳng định trong nhiều công trình nghiên cứu kinh điển trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Tồn tại một số cách tiếp cận nghiên cứu, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên phục vụ các mục đích phát triển khác nhau như nghiên cứu phân vùng cảnh quan của Ixatsenko, 1969 [1], của Phạm Hoàng Hải, 1997 [2], nghiên cứu phân vùng địa lý tự nhiên của Mincov, 1970 [3], của Vũ Tự Lập, 1999 [4], của Đặng Duy Lợi [5], nghiên cứu phân vùng sinh thái lâm nghiệp của Vũ Tấn Phương, 2013 [6], sinh thái môi trường.... Mục đích chung của các cách tiếp cận này đều là tìm ra quy luật phân hóa của tự nhiên, của tài nguyên theo không gian lãnh thổ - cũng chính là phân vùng địa lý tự nhiên, phân vùng tài nguyên, làm cơ sở đánh giá chúng cho các mục tiêu phát triển theo lãnh thổ. Những năm gần đây khi du lịch ngày càng phát triển, để quản lý và khai thác, sử dụng hiệu quả tự nhiên, tài nguyên cho phát triển kinh tế du lịch mà không xem nhẹ bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học tự nhiên, hướng tiếp cận dựa vào kết quả nghiên cứu địa lý, tài nguyên với việc phân vùng tự nhiên lãnh thổ ngày càng được ứng dụng ở nhiều địa phương, nhiều vùng, miền trong cả nước. Tiêu biểu có nghiên cứu phân vùng địa lý tự nhiên cho phát triển du lịch khu vực Quảng Ninh – Hải Phòng của Nguyễn Đăng Tiến [7], cho vùng Nam Bộ của Hoàng Thị Kiều Oanh [8], cho vùng Thanh Nghệ Tĩnh của Hoàng Thị Cường [9]. Những kết quả nghiên cứu

Ngày nhận bài: 13/3/2020. Ngày sửa bài: 20/3/2020. Ngày nhận đăng: 27/3/2020.

Tác giả liên hệ: Vũ Đình Chiến. Địa chỉ e-mail: vudinhchien.qtkd@gmail.com

phân vùng này là cơ sở khoa học cho hoạch định chiến lược quản lí lãnh thổ, khai thác và sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên cho phát triển các ngành kinh tế nói chung và cho kinh tế du lịch nói riêng được bền vững.

Tỉnh Bình Định nằm ở sườn đông của Nam Trường Sơn, có điều kiện tự nhiên đa dạng và phân hóa phức tạp [10]. Nhìn tổng quan, cấu trúc và phân bố địa hình toàn tỉnh có xu hướng nghiêng từ Tây sang Đông, với những nét đặc trưng là địa hình núi, đồng bằng xen kẽ đồi núi, đầm phá ven biển và một số đảo nhỏ ven bờ. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có sự phân hóa từ bắc vào nam, từ tây sang đông. Lưu vực các sông đều có độ dốc khá lớn và chịu sự chi phối chủ yếu của chế độ mưa thu đông vùng duyên hải Nam Trung Bộ; khu vực cửa sông, cửa biển chịu sự chi phối kép của thủy triều và các quá trình thủy hải văn biển sát bờ. Thảm thực vật khá đa dạng về thành phần loài và sự phân bố không gian. Tất cả những đặc điểm tự nhiên trên đã góp phần hình thành nhiều dạng tài nguyên du lịch mang đặc trưng riêng của từng khu vực trong tỉnh.

Vận dụng phương pháp phân vùng địa lí tự nhiên phục vụ phát triển du lịch, bài báo đã làm rõ sự phân hóa có quy luật của tự nhiên, của tài nguyên du lịch Bình Định, sơ bộ đánh giá mức độ thuận lợi của tài nguyên du lịch theo các tiểu vùng để có hướng khai thác một số loại hình du lịch, sản phẩm du lịch đặc trưng cho lãnh thổ. Kết quả phân vùng sẽ là cơ sở khoa học đáng tin cậy cho định hướng liên kết sử dụng, khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch các tiểu vùng lãnh thổ, biến tài nguyên du lịch tiềm năng thành nguồn lực có giá trị kinh tế cao cho phát triển du lịch trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội chung của địa phương.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở dữ liệu

Nghiên cứu đã sử dụng các tài liệu, số liệu về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020; Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035; Quy hoạch thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch xây dựng Khu kinh tế Nhơn Hội đến năm 2040; Đề án quy hoạch ngành du lịch Bình Định đến năm 2030. Ngoài ra, việc thực hiện khảo sát thực địa (03 tuyến) tại lãnh thổ nghiên cứu đã góp phần cho việc mô tả, so sánh, đánh giá các yếu tố tự nhiên, tài nguyên du lịch tự nhiên liên quan đến hoạt động du lịch ở Bình Định được chính xác hơn.

- *Dữ liệu bản đồ*: Phân vùng địa lí tự nhiên phục vụ phát triển du lịch tỉnh Bình Định được thành lập dựa vào dữ liệu bản đồ nền địa hình tỉnh Bình Định ở tỷ lệ 1:100.000.

Bảng 1. Một số thông tin về vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ tỉnh Bình Định [10]

Tọa độ	Điểm cực Bắc có tọa độ: 14°42' Bắc, 108°56' Đông.
	Điểm cực Nam có tọa độ: 13°31' Bắc, 108°57' Đông.
	Điểm cực Tây có tọa độ: 14°27' Bắc, 108°27' Đông.
	Điểm cực Đông ở xã Nhơn Châu có tọa độ: 13°36' Bắc, 109°21' Đông.
Phạm vi lãnh thổ	Phía Bắc tiếp giáp tỉnh Quảng Ngãi (qua đèo Bình Đê) dài 63 km.
	Phía Nam tiếp giáp tỉnh Phú Yên (qua đèo Cù Mông) dài 59 km.
	Phía Tây tiếp giáp tỉnh Gia Lai (qua đèo An Khê) dài 130 km.
	Phía Đông giáp biển Đông với bờ biển dài 134 km.
Chiều dài Bắc - Nam: 110 - 112 km.	
Chiều rộng Tây - Đông: 55 km.	
Diện tích tự nhiên: 6050 km ² , diện tích lãnh hải 36.000 km ² .	

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- *Phương pháp phân vùng*: Phân vùng địa lí tự nhiên trong nghiên cứu này chính là quá trình phân chia lãnh thổ thành những đơn vị tự nhiên riêng theo các tiêu chí và chỉ tiêu phân vùng/tiểu vùng cụ thể, mục đích là làm sáng tỏ tiềm năng về tự nhiên và tài nguyên du lịch đặc trưng cho từng vùng/tiểu vùng. Kết quả phân vùng/tiểu vùng cùng với bản đồ phân vùng là cơ sở cho đánh giá tài nguyên phục vụ quản lí, khai thác, sử dụng hợp lí tài nguyên cho phát triển du lịch tỉnh Bình Định.

Lựa chọn tiêu chí và chỉ tiêu phân vùng cho Bình Định, bài báo đã vận dụng các kết quả nghiên cứu phân vùng phục vụ phát triển du lịch của Nguyễn Đăng Tiến [7], Hoàng Thị Kiều Oanh [8], kết quả phân vùng sinh thái, cảnh quan của Phạm Hoàng Hải [2], Vũ Tấn Phương [6]; Và để kết quả phân vùng được sát với thực tế phát triển KT-XH, phát triển du lịch của địa phương, bài báo còn tham khảo các phương án quy hoạch của Quy hoạch phát triển du lịch Bình Định, Quy hoạch không gian tỉnh Bình Định và TP. Quy Nhơn đến năm 2035 và tầm nhìn 2050.

- *Phương pháp phân tích yếu tố trội*: Các tổng hợp thể tự nhiên thường được hình thành bởi nhiều yếu tố thành phần (địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, thực vật...) và các yếu tố này luôn tác động tương tác lẫn nhau; Mặt khác, trong các yếu tố tự nhiên đó bao giờ cũng có 1 hoặc 1 số yếu tố mang tính điển hình trong phân hóa tự nhiên, mà dựa vào nó ta có thể phân chia ra các đơn vị địa lí tự nhiên khác nhau. Do đó để phân chia lãnh thổ người ta dựa vào phân tích chính yếu tố nổi trội đó làm cơ sở để phân chia các đơn vị tự nhiên khác nhau. Ví dụ như dựa vào địa hình – yếu tố trội, lãnh thổ Bình Định đã được phân chia ra thành 2 vùng địa lí: Vùng đồi núi phía tây và Vùng đồng bằng và ven biển.

- *Phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh*: Các tài liệu thống kê đảm bảo giá trị và độ tin cậy được khai thác để phục vụ cho việc nghiên cứu. Số liệu được thu thập, tổng hợp, xử lí, trên cơ sở dữ liệu và kết quả thống kê của các cơ quan chuyên ngành tại Bình Định. Đồng thời tiến hành phân tích, tổng hợp, so sánh các yếu tố tự nhiên của Bình Định và các tiêu chí/chỉ tiêu phân vùng phù hợp từ các nguồn tài liệu liên quan phục vụ cho việc nghiên cứu lãnh thổ và thể hiện trên bản đồ phân vùng. Kết hợp phân tích, tổng hợp, so sánh các thế mạnh của nguồn tài nguyên mỗi tiểu vùng, từ đó đề xuất định hướng khai thác hợp lí tài nguyên du lịch cho các loại hình du lịch của mỗi tiểu vùng.

- *Phương pháp thực địa*: Để có thêm cơ sở thực tiễn trong phân vùng chúng tôi đã tiến hành khảo sát thực địa thu thập dữ liệu, hình ảnh... theo các tuyến cụ thể sau:

+ Tuyến Bắc - Nam (Quy Nhơn - Tuy Phước - An Nhơn - Phù Cát - Phù Mỹ - Hoài Nhơn): Địa hình có dạng đồng bằng xen kẽ một số khối núi – đồi chạy từ phía tây ra sát bờ biển, nhiều đầm phá phân bố dọc theo dải ven bờ; tồn tại một số suối khoáng nóng, sông ngòi; HST đầm phá, HST nông nghiệp (cây lương thực, rừng dừa) chiếm ưu thế.

+ Tuyến ven biển (Quy Nhơn - Sông Cầu, Quy Nhơn - Nhơn Hội - Tam Quan, đảo Cù lao Xanh): Tồn tại một số cồn cát - đồi cát dọc ven biển nhưng không liên tục mà xen kẽ giữa các mạch núi từ đất liền lan ra biển; có nhiều mũi đá gốc nhô ra biển, một số đảo ven bờ; nhiều bãi biển bị chia cắt bởi các mũi đá (phía bắc bãi biển thường rộng, thoải và dài hơn phía nam); có nhiều cửa biển, vịnh biển; HST chủ yếu là rừng phi lao (chấn cát, gió) và rừng dừa.

+ Tuyến phía Tây (Quy Nhơn - An Nhơn - Tây Sơn - Vĩnh Thạnh): Địa hình đồi núi chiếm ưu thế với nhiều dãy núi cao kế tiếp nhau, xen kẽ một số đồng bằng nhỏ hẹp; có nhiều suối, thác nước, hồ nước tự nhiên, là đầu nguồn các con sông chính tại Bình Định; HST rừng nguyên sinh và rừng trồng khá nhiều.

- *Phương pháp chuyên gia*: Được sử dụng trong lựa chọn, phân tích các chỉ tiêu, cấp phân vị phân vùng cũng như xây dựng bản đồ phân vùng tự nhiên phục vụ phát triển du lịch tỉnh Bình Định.

- *Phương pháp bản đồ và GIS*: Cho phép nghiên cứu, xây dựng bản đồ phân hóa không gian của các tiểu vùng; Chồng xếp có phân tích các bản đồ thành phần để được bản đồ phân vùng tự nhiên Bình Định; Các bản đồ thành phần và bản đồ tổng hợp (tỉ lệ 1:100.000) được số hóa trên phần mềm Mapinfo.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Cấp phân vị và chỉ tiêu phân vùng

Trong phân vùng địa lí tự nhiên của từng lãnh thổ, các nhân tố tự nhiên về địa hình, địa mạo, khí hậu, thảm thực vật là những tiêu chí quan trọng. Tuy nhiên, việc phân vùng với các cấp phân vị và chỉ tiêu cụ thể phải tùy thuộc vào tính chất lãnh thổ, mục đích, đối tượng nghiên cứu. Trong phạm vi nghiên cứu phân vùng tự nhiên tỉnh Bình Định, dựa trên cơ sở lí luận về phân vùng địa lí tự nhiên và đặc điểm phân hóa về điều kiện tự nhiên lãnh thổ nghiên cứu (đa dạng và phức tạp), hệ thống phân vị trong bài báo lựa chọn gồm 2 cấp: *Vùng - Tiểu vùng* (Bảng 2).

Bảng 2. Các cấp phân vị và hệ thống chỉ tiêu phân vùng tự nhiên tỉnh Bình Định

Tiêu chí	Hệ thống chỉ tiêu	
	Vùng	Tiểu vùng
Địa chất, địa hình	+ Đồng nhất tương đối về nguồn gốc địa hình và đặc điểm kiến tạo. + Đồng nhất tương đối về hình thái địa hình (hướng sơn văn, mức độ chia cắt, kiểu địa hình).	Đồng nhất về các yếu tố địa mạo, đai cao (tập hợp thống nhất của nham thạch, kiểu địa hình, đai cao).
Khí hậu	+ Đồng nhất tương đối về biên độ nhiệt năm. + Đồng nhất tương đối về chế độ khí hậu – chế độ nhiệt ẩm (để phân chia ra khí hậu vùng núi/khí hậu đồng bằng/khí hậu ven biển).	Đồng nhất về đặc trưng nhiệt, mưa ẩm lãnh thổ (nhiệt độ, lượng mưa ở đồng bằng và ven biển phía bắc, nhiệt độ và lượng mưa ở đồng bằng và ven biển phía Nam).
Thảm thực vật	+ Đồng nhất tương đối về hình thái địa hình. + Đồng nhất tương đối về nguồn gốc phát sinh, lịch sử phát triển và cấu trúc của các thảm thực vật (nguyên sinh/thứ sinh và nhân tác).	Đồng nhất tương đối về hình thái địa hình và các quần xã thực vật trên các địa hình đó.

Với mục đích phân vùng phục vụ phát triển du lịch, mỗi vùng và tiểu vùng được xác định là một khu vực lãnh thổ cụ thể, được xem xét như một địa hệ thống với các đặc thù về điều kiện tự nhiên, các hoạt động kinh tế - xã hội và tác động tương hỗ giữa chúng tạo nên đặc trưng riêng. Do vậy, ngoài tiêu chí phân vùng là sự đồng nhất tương đối về điều kiện tự nhiên (Bảng 2), cần tính đến những đặc thù về phát triển kinh tế, khai thác và sử dụng tài nguyên (cho mục đích du lịch), đặc thù về môi trường tự nhiên và thiên tai của lãnh thổ.

- *Vùng*: Dựa vào sự phân hóa thực tế của điều kiện tự nhiên tỉnh Bình Định, cấp vùng được xác định dựa trên nhân tố hình thái địa hình (hướng sơn văn: độ cao địa hình, hướng, tính chất liên tục của các dãy/khối núi chính, độ cao trung bình đường phân thủy, đặc điểm hình thái các dãy/đỉnh núi chính; mức độ chia cắt địa hình, hình thái các lưu vực sông, hình thái kiểu đồng bằng và hướng đường bờ biển); sự phân hóa giữa biển và đất liền - là những khu vực có sự tương đồng về cấu trúc hình thái sơn văn có cùng nguồn gốc phát sinh (vùng núi và đồi, vùng

Phân vùng địa lí tự nhiên phục vụ phát triển du lịch tỉnh Bình Định

đồng bằng, ven biển - đảo), có những nét đặc trưng về đặc điểm thủy văn, đặc điểm khí hậu, đặc điểm đất đai, hệ sinh thái, sự khác biệt giữa biển và lục địa, mức độ ảnh hưởng của nó đến các điều kiện tự nhiên.

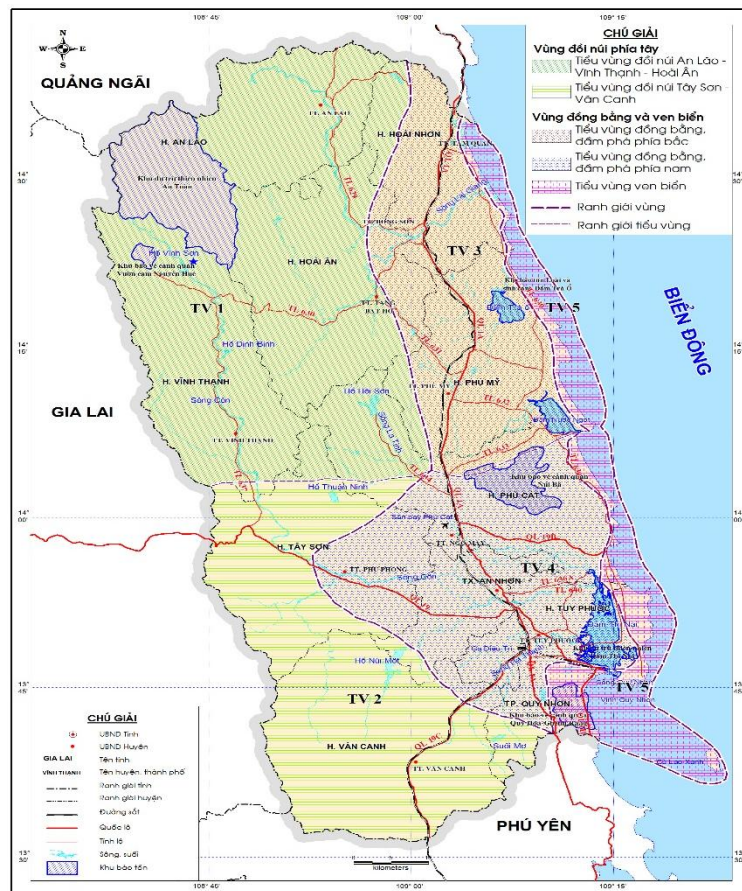
- *Tiểu vùng*: Được phân chia dựa trên sự phân hóa tự nhiên trong lãnh thổ mỗi vùng. Các tiêu chí để phân chia là sự đồng nhất tương đối của một kiểu địa hình (khu vực núi, khu vực đồi, dạng đồng bằng, kiểu đầm phá, dải ven biển...) trên một nền nhiệt ẩm đặc trưng (khí hậu vùng đồi núi/mưa nhiều, ít; khí hậu ven biển phía bắc và phía nam Bình Định...). Đối với các đảo, sự phân chia được dựa trên các tiêu chí là vật chất hình thành nên các đảo, vị trí phân bố, kích thước, hệ sinh thái, khí hậu.

2.3.2. Bản đồ phân vùng địa lí tự nhiên tỉnh Bình Định

Bản đồ phân vùng tự nhiên tỉnh Bình Định được xây dựng dựa trên:

Những nguyên tắc chung: Xác định rõ mục đích bản đồ; Đảm bảo tính chính xác, khoa học và cập nhật; Các đối tượng và hiện tượng được phân loại và biểu hiện một cách tương đối đầy đủ, khoa học từ nội dung đến hình thức thể hiện; Phải đảm bảo tính chính xác về vị trí địa lí [1, 3].

Những nguyên tắc phân vùng cụ thể: Nguyên tắc phát sinh; Nguyên tắc tổng hợp; Nguyên tắc toàn vẹn lãnh thổ; Nguyên tắc yếu tố trội; Nguyên tắc đồng nhất tương đối [4, 7, 8]. Bên cạnh đó còn tuân thủ một số nguyên tắc khác như: Cần phản ánh khách quan về sự phân hóa, tính không đồng nhất của lãnh thổ; Nêu lên các thể tổng hợp địa lí tự nhiên, ranh giới giữa chúng, diện tích và sự phụ thuộc v.v...; Thể hiện được sự phân bố không gian và nội dung của các thể tổng hợp địa lí tự nhiên ở các cấp khác nhau.



Hình 1. Bản đồ phân vùng địa lí tự nhiên tỉnh Bình Định

Ngoài ra, để đảm bảo tính khả thi, trong phân vùng tự nhiên phục vụ phát triển du lịch cần tính đến tính phù hợp với Chiến lược phát triển du lịch các cấp; yếu tố đặc thù của mỗi vùng (núi đồi, đồng bằng, biển - đảo), mỗi loại hình du lịch (sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa...), hoạt động của ngành du lịch; yếu tố mới nảy sinh (điều chỉnh quy hoạch, điều kiện trong và ngoài nước); đặc điểm và sự phân bố tài nguyên du lịch.

Vận dụng các phương pháp đã nêu và kỹ thuật thể hiện các nội dung bản đồ như kí hiệu đường, nền chất lượng, nét chải... bản đồ phân vùng địa lí tự nhiên tỉnh Bình Định phục vụ phát triển du lịch (tỉ lệ 1:100.000) đã được thành lập (Hình 1).

2.3.3. Kết quả phân vùng địa lí tự nhiên tỉnh Bình Định

Trên cơ sở các tiêu chí và chỉ tiêu phân vùng đã xác định tại Bảng 2, kết hợp với tham khảo các quy hoạch cũng như một số công trình nghiên cứu về tự nhiên và tài nguyên Bình Định, lãnh thổ tỉnh Bình Định được chia thành 2 vùng và 5 tiểu vùng địa lí tự nhiên (Bảng 3).

Bảng 3. Hệ thống phân vùng địa lí tự nhiên tỉnh Bình Định

Vùng	Tiểu vùng	Kí hiệu
Vùng đồi núi phía tây	Tiểu vùng đồi núi An Lão - Vĩnh Thạnh - Hoài Ân	TV 1
	Tiểu vùng đồi núi Tây Sơn - Vân Canh	TV 2
Vùng đồng bằng và ven biển	Tiểu vùng đồng bằng, đầm phá phía bắc	TV 3
	Tiểu vùng đồng bằng, đầm phá phía nam	TV 4
	Tiểu vùng ven biển	TV 5

2.3.4. Đặc điểm sự phân hóa của tự nhiên và tài nguyên du lịch theo các vùng/tiểu vùng - vùng đồi núi phía Tây

Thuộc Trường Sơn Nam, vùng đồi núi phía tây trải dài theo hướng Bắc - Nam chiếm khoảng 50 % - 55 % diện tích tự nhiên tỉnh, được chia thành 2 tiểu vùng (TV1, TV2), bao gồm các huyện miền núi và trung du. Địa hình chủ yếu là các dãy núi chạy song song của Trường Sơn Nam, nghiêng từ tây sang đông, thấp dần về phía biển. Độ cao trung bình của vùng khoảng 700 - 800 m và bị chia cắt mạnh bởi các thung lũng đầu nguồn các sông Lại Giang, Côn và Hà Thanh. Đặc điểm của vùng này là núi có sườn dốc đứng, đỉnh nhọn (độ dốc sườn trung bình trên 25⁰), chúng thường bị chia cắt bởi nhiều đường phân thủy, góc độ sơn văn có dạng tia phức tạp. Đây cũng là nơi bắt nguồn những con sông lớn, hồ, suối nước tự nhiên của tỉnh. Khí hậu của vùng chịu ảnh hưởng nhiều từ vị trí địa lí và độ cao địa hình. Nhiệt độ không khí trung bình năm ở đây biến đổi từ 20,1 °C - 26,1 °C. Ngoài mùa mưa chính Thu - Đông, ở một số nơi thuộc vùng đồi núi phía tây còn xuất hiện thêm một mùa mưa phụ từ tháng V - VIII do ảnh hưởng của mùa mưa Tây Nguyên. Những vùng núi cao lượng mưa trung bình năm từ 2.000 - 2.400 mm. Hệ sinh thái rừng tự nhiên chiếm ưu thế. Đặc điểm của cấu trúc và phân bố tự nhiên trên đây tạo nên sự hùng vĩ về cảnh quan địa lí, chứa đựng khá nhiều dạng tài nguyên nhưng đồng thời cũng là các tác nhân quan trọng gây nên sự đột biến về khí hậu của khu vực như gió, mưa sinh lũ, lụt và hạn hán.

* Tiểu vùng đồi núi An Lão - Vĩnh Thạnh - Hoài Ân (TV1)

Tiểu vùng phân bố ở phía tây bắc tỉnh gồm các huyện: An Lão, Vĩnh Thạnh, một phần Hoài Nhơn, Hoài Ân. Là vùng đồi núi thuộc Trường Sơn Nam, nằm ở ranh giới phía tây và tây bắc của tỉnh với các nhánh núi chạy ra phía biển. Khu vực Sa Huỳnh - Tam Quan là các dải núi thấp (độ cao trung bình 600 - 700 m) theo hướng Bắc - Nam, bên trong có thung lũng sông An Lão; phía tây là thung lũng sông Côn, các dãy núi, khối núi, cao nguyên trung bình và thấp có độ cao lớn nhất trong các tiểu vùng, khoảng 1100 m. Tiếp giáp với Tây Nguyên, TV1 có khí hậu mát mẻ, có nhiều hồ, suối và thác nước (hồ Định Bình, hồ Vĩnh Sơn, thác Đổ, suối khoáng

Bình Quang), hệ sinh thái rừng kín thường xanh mưa ẩm ở đai độ cao trên 800 m, văn hóa cộng đồng của đồng bào Bana, Hrê... Đặc điểm phân hóa đa dạng của tự nhiên (địa hình, hệ sinh thái rừng, hồ, suối, khí hậu) góp phần làm phong phú nguồn tài nguyên du lịch. Dựa vào tiềm năng trên, TV1 có khả năng khai thác một số loại hình du lịch sinh thái, tham quan gắn với du lịch văn hóa cộng đồng. Một trong những thế mạnh phát triển du lịch của TV1 là khai thác du lịch theo tuyến các đường quốc lộ, tỉnh lộ; đường 637 (hướng Bắc - Nam) kết nối đường 19, 629, 631 (hướng Tây - Đông) khai thác tài nguyên du lịch hồ Vĩnh Sơn, hồ Định Bình, Khu dự trữ thiên nhiên An Toàn và Khu bảo vệ cảnh quan Vườn cam Nguyễn Huệ. Theo quy hoạch, tiểu vùng nằm trong vùng phát triển du lịch phía Bắc của tỉnh. Trên cơ sở đó hình thành tuyến du lịch Đông Trường Sơn.

Tuy nhiên hiện nay tiểu vùng này chưa phát huy hiệu quả trong khai thác tài nguyên du lịch do khó khăn về hạ tầng du lịch, nguồn nhân lực, đầu tư cho du lịch còn hạn chế... Ngoài ra, các điểm tài nguyên nằm khá xa nhau, việc kết hợp tài nguyên và liên kết vùng chưa đi vào thực tiễn do điều kiện địa hình, thiên tai phức tạp. Tóm lại tài nguyên du lịch của TV1 vẫn còn ở dạng tiềm năng.

*** Tiểu vùng đồi núi Tây Sơn - Vân Canh (TV2)**

Phân bố ở phía tây và tây nam của tỉnh, tiếp giáp tỉnh Gia Lai ở phía tây qua đèo An Khê và tỉnh Phú Yên qua đèo Cù Mông. Tiểu vùng phân bố chủ yếu trên các huyện Vân Canh và Tây Sơn.

So với TV1, mức độ đa dạng của tự nhiên và tài nguyên du lịch của TV2 thấp hơn. Tuy nhiên, TV2 cũng có một số tài nguyên có giá trị gồm: Cảnh quan khu du lịch sinh thái Hàm Hồ, cảnh quan sông Kôn, hồ Thuận Ninh, Hồ Núi Một, suối khoáng Long Mỹ. Có hệ sinh thái rừng tự nhiên kiểu rừng kín thường xanh ở đai độ cao dưới 800 m. Ở đây có cộng đồng người Bana, Chăm Hroi với một số nét văn hóa truyền thống độc đáo. Bên cạnh đó, TV2 có lợi thế gắn với các điểm du lịch văn hóa - lịch sử tiêu biểu của Bình Định (di tích gắn với phong trào Tây Sơn, tháp Chăm...), tương đối gần trung tâm du lịch của tỉnh (TP. Quy Nhơn) và nằm gần trục hành lang kinh tế trọng điểm Đông - Tây (theo đường 19); Trục hành lang phía Tây (theo tuyến đường 19C, 637), đường sắt Bắc - Nam và chuỗi đô thị: Vân Canh, Canh Vinh, Tây Sơn.

Khó khăn của TV2 trong khai thác và liên kết phát triển du lịch có nhiều điểm tương tự như TV1 (nhất là về điều kiện tự nhiên).

- Vùng đồng bằng và ven biển

Tiếp nối với Vùng đồi núi phía tây, Vùng đồng bằng và ven biển bao gồm đồng bằng trung tâm, đầm phá chạy dọc ven biển. Vùng chiếm khoảng 40 % - 45 % diện tích tự nhiên của tỉnh, được chia thành 3 tiểu vùng (TV3, TV4, TV5). Vùng này phần lớn là các đồng bằng nhỏ, hẹp, bị chia cắt bởi các đồi, khối núi sót sát biển và một số vùng đất trũng (đầm phá), được tạo thành bởi các yếu tố địa hình và khí hậu. Bề mặt địa hình tương đối bằng phẳng, nghiêng dần về phía biển với độ dốc không quá 5 - 7⁰. Độ cao trung bình của đồng bằng thay đổi trong khoảng 20 - 30 m đến 1 - 2 m so với mực nước biển, giữa vùng đồng bằng đôi khi có những gò đồi, khối núi sót. Với bờ biển dài, sự phân bố các dãy núi (ăn ra sát biển) và tác động của nhân tố khí hậu, thủy triều, các quá trình thủy hải văn nên ở đây có nhiều đầm nước lợ và nước ngọt, phá ven biển đặc trưng cho vùng Duyên hải Nam Trung Bộ với diện tích khoảng 8.000 ha. Các đầm phá, vũng cùng các hồ chứa không những thích hợp cho nuôi trồng thủy sản mà còn tạo ra nhiều cảnh quan du lịch hấp dẫn. Vùng có nhiệt độ không khí trung bình năm từ 26,1 °C - 27,1 °C và tăng từ Bắc vào Nam, lượng mưa trung bình năm từ 1600 - 2000 mm, chịu ảnh hưởng của khí hậu ven biển. Sinh vật chiếm ưu thế là rừng trồng, cây bụi thứ sinh, hệ sinh thái nông nghiệp, hệ sinh thái đầm phá, hệ sinh thái san hô. Đây là vùng tập trung đông dân cư và nền văn hóa gắn với các loại cây lương thực chủ yếu của tỉnh. Tuy nhiên khu vực này thường xảy ra lũ lụt rất nặng nề vào mùa mưa và hạn hán vào mùa khô.

*** Tiểu vùng đồng bằng, đầm phá phía Bắc (TV3)**

Tập trung chủ yếu ở các huyện Hoài Nhơn và Phù Mỹ, một phần diện tích huyện Hoài Ân và Phù Cát. Phía Bắc tiếp giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam tiếp giáp với TV4, phía Tây tiếp giáp TV1, phía Đông tiếp giáp TV5. Cảnh quan đồng bằng - đầm phá là thế mạnh nổi bật của TV3: Đó là cảnh quan đồi núi sót nằm xen kẽ giữa đồng bằng, đầm phá, hạ lưu sông (Lại Giang, La Tinh, Trà Ô, Đê Gi...) kết hợp với cảnh quan văn hóa đa dạng vùng đồng bằng (rừng dừa Tam Quan). Khu bảo tồn đầm Trà Ô và cảnh quan đầm Đê Gi là tài nguyên du lịch tự nhiên có giá trị cao của tiểu vùng. Ngoài ra vùng còn có một số di tích lịch sử, các loại đặc sản nổi tiếng như: chình Mun, bún tôm rạm Châu Trúc, các sản phẩm từ dừa...

Tiểu vùng có hệ thống giao thông thuận lợi để kết hợp khai thác các loại tài nguyên và kết nối các loại hình du lịch, điểm du lịch: Nằm trên trục hành lang kinh tế Bắc - Nam dọc quốc lộ 1, gồm chuỗi các đô thị: Phù Mỹ, Bình Dương, Bồng Sơn, Hoài Nhơn; đường ven biển nối từ Nhơn Hội tới Tam Quan (đường 639, 632); đường sắt Bắc - Nam. Tuy nhiên, một số điểm tài nguyên còn nằm xa trung tâm, tính hấp dẫn, nổi bật của tài nguyên du lịch không cao, mức độ đầu tư hạ tầng du lịch còn hạn chế. Phần lớn tài nguyên du lịch vẫn còn ở dạng tiềm năng. Hiện tượng lũ, ngập lụt về mùa mưa, khô hạn, nắng nóng về mùa hè là những hạn chế cho khai thác tài nguyên du lịch của tiểu vùng.

*** Tiểu vùng đồng bằng, đầm phá phía Nam (TV4)**

Tập trung chủ yếu ở các huyện Phù Cát, Tuy Phước, TX. An Nhơn, một phần diện tích huyện Tây Sơn và TP. Quy Nhơn. Đây là tiểu vùng có sự tập trung các tài nguyên du lịch với mật độ cao, nhiều tài nguyên có giá trị cao (nhất là tài nguyên du lịch văn hóa).

So với TV3, ngoài diện tích lớn hơn, TV4 còn có lợi thế về phát triển một số điểm du lịch tự nhiên và văn hóa - lịch sử. Đó là cảnh quan đồi núi sót nằm xen kẽ giữa đồng bằng, đầm phá, hạ lưu sông kết hợp với cảnh quan văn hóa đa dạng và độc đáo vùng đồng bằng. Khu bảo tồn đầm Thị Nại và Cồn Chim, cảnh quan ven sông Kôn, Hà Thanh, hồ Phú Hòa - Đèo Sơn, suối khoáng (Hội Vân, Chánh Thắng...) là những lợi thế về tài nguyên du lịch tự nhiên của tiểu vùng. Tại TP. Quy Nhơn, hồ Phú Hòa - Đèo Sơn là tiềm năng lớn cho du lịch vui chơi, tham quan ngắm cảnh. Đầm Thị Nại là khu bảo tồn, gìn giữ hệ sinh thái đầm đặc sắc, là điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái, tham quan thiên nhiên. Bên cạnh đó, tiểu vùng có nhiều tài nguyên văn hóa tiêu biểu góp phần đa dạng hóa loại hình và sản phẩm du lịch của tỉnh như: quần thể di tích gắn với lịch sử phong trào Tây Sơn (khu bảo tàng Quang Trung), hệ thống tháp Chăm, các lễ hội truyền thống (võ thuật cổ truyền, lễ hội Tây Sơn), làng nghề truyền thống (rượu Bầu Đá, nón Phú Gia), văn hóa nghệ thuật truyền thống (hát Bội, bài Chòi)...

Nằm ở vị trí gần các trung tâm du lịch phía nam, TV4 còn có mạng lưới giao thông dày đặc và thuận lợi với nhiều loại hình giao thông quan trọng: Sân bay Phù Cát; ga Diêu Trì; cảng Quy Nhơn; quốc lộ 1A, 19, 19B, 19C và các tỉnh lộ 639, 633, 634, 636, 640. Đây là cơ sở để kết nối các tuyến điểm du lịch theo hướng Bắc - Nam, từ Tây sang Đông bằng nhiều loại hình giao thông thuận lợi. Ngoài những hạn chế do thiên tai gây ra tương tự TV3, một số tài nguyên du lịch tự nhiên có thế mạnh của TV4 chưa được đầu tư phù hợp hoặc khai thác chưa hiệu quả (khu vực đầm Thị Nại, suối khoáng...), nhiều tài nguyên du lịch văn hóa bị xuống cấp.

*** Tiểu vùng ven biển (TV5)**

Tiểu vùng ven biển là bộ phận phía đông của tỉnh Bình Định bao gồm dải bờ biển với chiều dài 134km. Phía Bắc tiếp giáp biển Sa Huỳnh (tỉnh Quảng Ngãi), phía Nam tiếp giáp Sông Cầu (tỉnh Phú Yên), phía Tây tiếp giáp TV3 và TV4, phía Đông tiếp giáp thềm lục địa thuộc vùng biển Đông. Về hành chính, TV5 phân bố tại các huyện Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước và TP. Quy Nhơn.

So với các tiểu vùng còn lại, TV5 có nhiều lợi thế hơn trong phát triển du lịch (tài nguyên du lịch, các yếu tố hỗ trợ: hạ tầng du lịch, nguồn nhân lực, dịch vụ du lịch...). Trong đó nổi bật

là tài nguyên du lịch gắn với biển - đảo, trung tâm Quy Nhơn. Nhờ có đặc trưng nổi bật của các thành phần tự nhiên (mũi đá nhô, đồi cát, đảo, vũng/vịnh, cửa biển, bãi biển và diện tích mặt nước, rạn san hô, khí hậu), chiều dài bờ biển, đặc sản biển giúp cho TV5 có nhiều thế mạnh trong phát triển nhiều loại loại hình du lịch gắn với biển - đảo (nghỉ dưỡng, thể thao, lặn ngắm san hô, tham quan ngắm cảnh, vui chơi giải trí, câu cá, ẩm thực...). Bên cạnh cảnh quan thiên nhiên vùng biển - đảo, Khu bảo vệ cảnh quan Quy Hòa - Ghềnh Ráng, nhiều công trình văn hóa có giá trị nổi bật (Quần thể du lịch FLC Quy Nhơn, Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành ICISE...) đã góp phần đa dạng hóa loại hình và sản phẩm du lịch của tỉnh. Tiểu vùng có nhiều thuận lợi trong khai thác tài nguyên, liên kết tuyến điểm du lịch nhờ nằm gần tuyến đường sắt Bắc - Nam, trục giao thông Bắc - Nam dọc quốc lộ 1A, 1D gồm chuỗi đô thị: Quy Nhơn, Diêu Trì, Tuy Phước, An Nhơn, Ngô Mỹ, Phù Mỹ, Bình Dương, Hoài Nhơn; tuyến đường 639 (đường ven biển nối từ Tam Quan tới Quy Nhơn); cảng Quy Nhơn, Tam Quan, Đê Gi nổi các tuyến giao thông đường biển từ Quy Nhơn đi Nhơn Châu và các đảo ven bờ; trục hành lang Đông - Tây có các tuyến đường: 632,633, 635,636, 19B, 19C.

Hạn chế của tiểu vùng là việc khai thác tài nguyên du lịch bị tác động bởi tính mùa vụ do khí hậu gây ra. Đây cũng là khu vực có chế độ động lực biến động mạnh, môi trường liên thông, có các hệ sinh thái đặc thù rất nhạy cảm với thiên tai. Hệ sinh thái biển đang bị khai thác mạnh, ô nhiễm môi trường ven biển - đảo và hiện tượng quá tải tại một số điểm du lịch biển... đang là những vấn đề đặt ra cho tiểu vùng. Trong khi khu vực phía Bắc các loại hình du lịch và sản phẩm du lịch chưa hình thành rõ nét, nhiều yếu tố hỗ trợ khai thác tài nguyên du lịch còn thiếu và yếu thì khu vực phía Nam lại có mức độ tập trung hạ tầng du lịch, mức độ khai thác tài nguyên du lịch và tốc độ phát triển du lịch đang rất cao. Từ đó tạo ra tình trạng quá tải, mất cân đối trong khai thác tài nguyên du lịch nói riêng và phát triển du lịch nói chung của tiểu vùng.

2.3.5. Định hướng khai thác tài nguyên du lịch theo các tiểu vùng

Qua khảo sát thực địa, trên cơ sở kết quả phân vùng địa lí tự nhiên, phân tích đặc điểm tự nhiên, đánh giá sơ bộ tài nguyên và một số yếu tố hỗ trợ cho khai thác tài nguyên du lịch của tiểu vùng, tham khảo các phương án quy hoạch phát triển du lịch địa phương, bước đầu có thể đề xuất định hướng khai thác tài nguyên du lịch theo các tiểu vùng tỉnh Bình Định như sau (Bảng 4).

Bảng 4. Khả năng khai thác tài nguyên du lịch theo các tiểu vùng

Tiểu vùng	Tài nguyên du lịch chủ yếu/ Loại hình du lịch nổi trội	Hướng phát triển	Không gian ưu tiên đầu tư
TV1	- Khu bảo tồn thiên nhiên An Toàn; hồ Vĩnh Sơn; suối khoáng Bình Quang; văn hóa đồng bào dân tộc. - Du lịch sinh thái; tham quan tự nhiên; nghỉ dưỡng; du lịch văn hóa.	Khu vực phát triển mở rộng trong tương lai.	- Khu bảo tồn thiên nhiên An Toàn; Làng văn hóa đồng bào dân tộc Bana, H'ré. - Hồ Vĩnh Sơn; Suối khoáng Bình Quang.
TV2	- Thắng cảnh Hầm Hô, hồ Núi Một; Đền tế trời đất. - Tham quan danh thắng; du lịch sinh thái; du lịch văn hóa.	Khu vực bổ trợ, phụ cận cho TV4, TV5.	- Khu du lịch Hầm Hô. - Hồ Núi Một. - Đền tế trời đất.
TV3	- Khu bảo tồn loài và sinh cảnh đầm Trà Ô, Đê Gi; Cảnh quan rừng dừa Tam Quan; Làng nghề và đặc sản dừa. - Du lịch sinh thái; tham quan trải nghiệm làng nghề, ẩm thực.	Trung tâm du lịch phía bắc, liên kết phát triển du lịch TV1, TV5.	- Khu bảo vệ cảnh quan đầm Trà Ô - Đê Gi. - Làng nghề truyền thống gắn với sản phẩm dừa.

TV4	<ul style="list-style-type: none"> - Khu dự trữ thiên nhiên đầm Thị Nại, Khu rừng cảnh quan Núi Bà; suối khoáng; đầm và cầu Thị Nại; Di sản văn hóa tiêu biểu. - Du lịch văn hóa - lịch sử; du lịch chữa bệnh; du lịch sinh thái; tham quan; du lịch cộng đồng và trải nghiệm. 	<ul style="list-style-type: none"> Khu vực trọng điểm du lịch văn hóa - lịch sử của tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khu suối khoáng Hội Vân; - Khu dự trữ thiên nhiên đầm Thị Nại, cảnh quan Núi Bà. - Bảo tàng Quang Trung; kiến trúc nghệ thuật Chămpa; Võ cổ truyền...
TV5	<ul style="list-style-type: none"> - Các bãi biển, vịnh biển, mũi đá, đảo; Hệ sinh thái biển; Khu du lịch Phương Mai - Núi Bà; Trung tâm ICISE và Tổ hợp không gian khoa học; Quần thể du lịch FLC Quy Nhơn; Âm thực... - Du lịch nghỉ dưỡng biển – đảo; vui chơi, giải trí, thể thao, lặn biển; MICE; golf; du lịch sinh thái; tham quan tự nhiên (thắng cảnh biển - đảo) và văn hóa (công trình sáng tạo, biểu diễn nghệ thuật truyền thống). 	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm thu hút, điều phối hoạt động du lịch của tỉnh. - Trung tâm du lịch phía Nam của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực biển Trung Lương - Vịnh Hội (nằm trong quần thể Phương Mai - Núi Bà); - Khu vực biển Lộ Diêu; - Bảo vệ không gian xanh ven biển Quy Nhơn và đầm Thị Nại; - Trung tâm ICISE và Tổ hợp không gian khoa học.

3. Kết luận

Kết quả phân vùng địa lý tự nhiên phục vụ sự phát triển du lịch của tỉnh Bình Định cho thấy:

- Phân vùng địa lý tự nhiên vừa có ý nghĩa khoa học, vừa có ý nghĩa thực tiễn rất cao trong nghiên cứu, đánh giá điều kiện tự nhiên và tài nguyên cho phát triển du lịch.

- Để có thể đánh giá tổng hợp tài nguyên phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định, nghiên cứu đặc điểm các điều kiện tự nhiên, làm rõ sự phân hóa có quy luật của tự nhiên, của tài nguyên du lịch và tiến tới phân vùng địa lý tự nhiên phục vụ đánh giá tài nguyên cho phát triển du lịch tỉnh Bình Định là cơ sở khoa học cho việc đề xuất định hướng phát triển các loại hình du lịch, liên kết và quy hoạch lãnh thổ du lịch của địa phương.

- Dựa vào các chỉ tiêu phân vùng, đặc điểm tự nhiên lãnh thổ và mục đích phân vùng cho phát triển du lịch, lãnh thổ Bình Định được chia thành 2 vùng với 5 tiểu vùng, cụ thể: Vùng đồi núi phía tây gồm 2 tiểu vùng: Tiểu vùng đồi núi An Lão - Vĩnh Thạnh - Hoài Ân (TV1) và Tiểu vùng đồi núi Tây Sơn - Vân Canh (TV2); Vùng đồng bằng và ven biển gồm 3 tiểu vùng: Tiểu vùng đồng bằng, đầm phá phía bắc (TV3); Tiểu vùng đồng bằng, đầm phá phía nam (TV4); Tiểu vùng ven biển (TV5).

Trên cơ sở phân vùng tự nhiên Bình Định (tỷ lệ 1: 100.000), những đặc điểm nổi bật của điều kiện tự nhiên, tài nguyên du lịch và một số điều kiện kinh tế - xã hội của từng tiểu vùng đã được phân tích, so sánh và đánh giá sơ bộ. Căn cứ vào đánh giá, phân hạng mức độ thuận lợi điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch theo từng tiểu vùng, những đề xuất định hướng khai thác, sử dụng, bảo vệ hợp lý tài nguyên cho phát triển du lịch bền vững đã được đề xuất theo các tiểu vùng. Theo đó, mỗi tiểu vùng sẽ khai thác các loại hình du lịch đặc thù và sản phẩm du lịch đặc trưng dựa vào nguồn tài nguyên du lịch nổi trội như du lịch biển - đảo, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa - lịch sử; hướng phát triển và không gian ưu tiên đầu tư cho phát triển du lịch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] A.G.Ixatsenko, 1969. *Cơ sở cảnh quan và phân vùng địa lí tự nhiên* (Vũ Tự Lập và nnk dịch). NXB Khoa học.
- [2] Phạm Hoàng Hải và nnk, 1997, *Cơ sở cảnh quan học của việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ lãnh thổ Việt Nam*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] F.N. Mincov, 1970. *Những nguyên tắc và phương pháp cơ bản phân vùng địa lí tự nhiên*, Tuyển tập Địa lí về Phân vùng Địa lí Tự nhiên - tập III (Nguyễn Dực dịch). NXB Khoa học & Kỹ thuật.
- [4] Vũ Tự Lập, 1999. *Địa lí Tự nhiên Việt Nam*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Đặng Duy Lợi (Chủ biên) và nnk (2007), *Địa lí Tự nhiên Việt Nam (phần khu vực)*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [6] Vũ Tấn Phương (chủ trì), Nguyễn Đình Kỳ, Lại Vĩnh Cẩm, Trần Việt Liễu và nnk (2013), *Phân vùng sinh thái lâm nghiệp ở Việt Nam*. Dự án UN-REDD Việt Nam.
- [7] Nguyễn Đăng Tiến, 2016. *Nghiên cứu, đánh giá tài nguyên du lịch, điều kiện sinh khí hậu phục vụ phát triển du lịch bền vững khu vực Quảng Ninh - Hải Phòng*. Luận án Tiến sĩ Địa lí Tài nguyên và Môi trường, Học viện Khoa học và Công nghệ, Hà Nội.
- [8] Hoàng Thị Kiều Oanh, 2019. *Đánh giá tài nguyên du lịch và điều kiện khí hậu phục vụ phát triển du lịch vùng Nam Bộ Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ Địa lí, Học viện Khoa học và Công nghệ Hà Nội.
- [9] Hoàng Thị Cường, 2017. Phân vùng địa lí tự nhiên vùng Thanh Nghệ Tĩnh. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 3, tr. 153-159.
- [10] UBND Tỉnh Bình Định, 2005. *Địa chí Bình Định*. NXB Tổng hợp.

ABSTRACT

Physico-geographical zoning for tourism development in Binh Dinh Province

Vu Dinh Chien

Faculty of Economics and Tourism, Binh Dinh College

In order to rationally exploit natural resources, and propose the orientation of territorial planning for tourism development, physico-geographical zoning is very important. Applying the theoretical basis of natural geographic zoning, the authors have conducted a study on the regularization of natural conditions and natural resources in Binh Dinh Province; to conduct physico-geographical zoning in Binh Dinh territory in the 2-level hierarchy: region and sub-region; clearly defining outstanding natural characteristics and typical resources of the sub-regions for tourism development in Binh Dinh Province. Physico-geographical zoning for tourism development and the zoning map (at a scale of 1: 100,000) show that Binh Dinh has 2 regions and 5 sub-regions providing basic information about the natural characteristics and tourism resources of the sub-regions. This is the basis for assessing the natural conditions and tourism resources for tourism development in Binh Dinh in general as well as organizing some specific types of tourism, particularly in the sub-region.

Keywords: Physico-geographical zoning, sub-regions, tourism resources, Binh Dinh.